

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2020.

V/v : Tranh chấp hôn nhân gia  
đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Trần Văn Phơ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Tiền Thị Hồng Nh**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường D, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tiền Thị Hồng Nh trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Bà Tiền Thị Hồng Nh và ông Nguyễn Hoàng Đ kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau do ông Đ không lo làm ăn mà lại có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà Nh đã cho ông Đ nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng ông Đ không sửa đổi. Do đó, bà Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Tiền Thị Hồng Nh và ông Nguyễn Hoàng Đ có hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012. Hiện nay cháu Đ1 và cháu Ng đang sống chung với ông Đ tại địa chỉ số B, đường D, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Tiền Thị Hồng Nh đồng ý giao hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tiền Thị Hồng Nh không cấp dưỡng cho cháu Đ1 và cháu Ng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên hòa giải ngày 26/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Nh về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn.

Ông Đ thừa nhận sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ thừa nhận có mối quan hệ với người phụ nữ khác đúng như bà Nh trình bày.

Nay bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Đ, ông Đ không đồng ý vì ông Đ còn thương bà Nh và các con, ông Đ yêu cầu bà Nh cho ông Đ thời gian để sửa chữa lỗi lầm vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Tiền Thị Hồng Nh có hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012. Hiện nay cháu Đ1 và cháu Ng đang sống chung với ông Đ tại địa chỉ số B, đường D, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà Nh được ly hôn với ông Đ thì về con chung ông Đ đồng ý tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 cho đến khi cháu Đ1 và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hoàng Đ không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng cho cháu Đ1 và cháu Ng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của kiểm sát viên:** Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy

định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiền Thị Hồng Nh và ông Nguyễn Hoàng Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo bà Nh thì đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do ông Đ không lo làm ăn mà lại có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà Nh đã cho ông Đ nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng ông Đ không sửa đổi. Bà Nh đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2015 và ông bà cũng ly thân từ đó đến nay. Do đó, bà Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

Tại phiên hòa giải, ông Đ cũng thống nhất lời trình bày của bà Nh về nguyên nhân mâu thuẫn là đúng, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh cho bà Nh được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Tiền Thị Hồng Nh và ông Nguyễn Hoàng Đ có hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012. Hiện nay cháu Đ1 và cháu Ng đang sống chung với ông Đ tại địa chỉ số B, đường D, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Tiền Thị Hồng Nh đồng ý giao hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 và cháu Ng đủ 18 tuổi và ông Đ cũng đồng ý. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/6/2020 cháu Ng có nguyện vọng ở với cha và theo biên bản xác minh tại Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng (cháu Đ1 là

học sinh khiếm thính lớp 5), cháu Đ1 có nguyện vọng được ở với cha vì hiện nay cháu Đ1 đang sống chung với cha.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đ1 và cháu Ng hiện nay đang sống chung với ông Đ, cuộc sống của các cháu đang ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của các cháu và tiện cho việc ông Đ đưa rước đi học và chăm sóc hai cháu Đ1 và cháu Ng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, giao hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ1 và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tiền Thị Hồng Nh không cấp dưỡng cho cháu Đ1 và cháu Ng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Tiền Thị Hồng Nh tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tiền Thị Hồng Nh phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tiền Thị Hồng Nh với ông Nguyễn Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 cho ông Nguyễn Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ1 và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tiền Thị Hồng Nh không cấp dưỡng cho cháu Đ1 và cháu Ng.

Bà Tiền Thị Hồng Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ1 (nữ), sinh ngày 01/4/2006 và Nguyễn Thị Hồng Ng (nữ), sinh ngày 27/5/2012 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tiền Thị Hồng Nh với ông Nguyễn Hoàng Đ tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Tiền Thị Hồng Nh phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001469 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nh đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường N, TP S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phan Thanh Loan**